TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 665/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Phượng.

2. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Từ Ngọc Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 733/2025/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2025, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 812/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Hiển Đ; sinh ngày: 13/4/1994. Địa chỉ thường trú: Thôn XT, xã PC, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã KC, tỉnh Quảng Ngãi); địa chỉ liên hệ: 416/1 DQH, Phường x, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường AHĐ, Thành phố Hồ Chí Minh).

CCCD số: 051094011xxx, cấp ngày: 02/5/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng L; sinh ngày: 02/02/1992. Địa chỉ thường trú: xã PL, huyện TP, tỉnh Bình Định (nay là xã TP, tỉnh Gia Lai); tạm trú: 638/25/17 LTT, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường BHH, Thành phố Hồ Chí Minh).

CCCD số: 052192011xxx, cấp ngày: 08/9/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/Nguyên đơn – Ông Dương Hiển Đ trình bày:

Ông Đ và Bà Nguyễn Thị Mộng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PC, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã KC, tỉnh Quảng Ngãi) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 10/5/2017. Hai người chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn vì quan điểm sống không hợp nhau, không còn tình cảm với nhau. Mặc dù, đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn hôn nhân nhưng không thành. Đến đầu năm 2023 hai người sống ly thân cho đến nay. Ông Đ cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn Bà Nguyễn Thị Mộng L.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là Dương Thị An Nh, sinh ngày: 09/02/2019. Hiện trẻ Nh đang sống với Bà Nguyễn Thị Mộng L, ông đồng ý để Bà L tiếp tục được chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Nh.

Về cấp dưỡng cho con chung: Ông sẽ cấp dưỡng cho trẻ Nh 3.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng sẽ thực hiện vào ngày mồng 01 (một) dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2025 đến khi có căn cứ chấm dứt việc cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Ông và Bà L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ và Bà L không có các khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, không còn yêu cầu hay ý kiến gì thêm.

2/Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Mộng L trình bày:

Bà và Ông Dương Hiển Đ tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân xã PC, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã KC, tỉnh Quảng Ngãi) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 10/5/2017. Hai người sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân không hợp nhau về tính tính, mặc dù đã cố gắng hoà giải nhưng không thành. Hai người đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay Ông Đ có yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn với Ông Đ.

Về con chung: có 01 (một) con chung tên Dương Thị An Nh, sinh ngày: 09/02/2019. Hiện cháu Nhiên đang sống với bà nên bà có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Nh.

Về cấp dưỡng cho con chung: Bà yêu cầu Ông Đ cấp dưỡng cho trẻ Nh 3.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 (một) dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2025 đến khi có căn cứ chấm dứt việc cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Bà và Ông Đ tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà và Ông Đ không có các khoản nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, không còn yêu cầu hay ý kiến gì thêm.

Bà L có ý kiến đồng ý ly hôn với Ông Đ nhưng Bà L không đến Toà để giải quyết vụ án nên Toà án tiến hành mở phiên toà để xét xử vụ án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho Bà L trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng cho con chung: Ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ Nh là 3.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung: các đương sự tự thoả thuận nên không xem xét; về nợ chung: các đương sự cùng khai không có và yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn – Ông Dương Hiển Đ yêu cầu ly hôn với Bà Nguyễn Thị Mộng L nên đây là tranh chấp ly hôn; Bà L cư trú tại phường Bình Hưng Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 25/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có có đơn xin vắng mặt căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 10/5/2017 do Ủy ban nhân dân xã PC, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã KC, tỉnh Quảng Ngãi) cấp xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông Đ và Bà L là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về yêu cầu ly hôn: Ông Đ yêu cầu được ly hôn với Bà L vì cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Giữa hai người không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn phát sinh. Đến đầu năm 2023 thì hai người sống ly thân với nhau. Ông Đ xác định không còn tình cảm với Bà L nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Phía Bà L cũng đưa ra lý do hai người không hợp nhau nên đã sống ly thân với nhau, bà cũng đồng ý ly hôn với Ông Đ.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh mâu thuẫn giữa Ông Đ và Bà L tại địa phương, kết quả xác minh do Uỷ ban nhân dân phường Bình Hưng Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì Uỷ ban phường không tiếp nhận đơn yêu cầu giải quyết hoà giải mâu thuẫn giữa Ông Đ và Bà L. Do đó, Uỷ ban nhân dân phường không xác định mâu thuẫn phát sinh tranh chấp giữa các đương sự. Tuy nhiên, qua lời khai của Ông Đ và Bà L cho thấy giữa hai người đã không còn tiếng nói chung, không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn đã làm cho hai người sống ly thân trong thời gian dài. Mặc dù, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng việc hàn gắn không thành. Ông Đ mong muốn chấm dứt hôn nhân với Bà L và Bà L cũng đồng ý ly hôn. Cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa hai người đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy việc giải quyết ly hôn là cần thiết. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Đ.

[5] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Dương Thị An Nh, sinh ngày: 09/02/2019. Hiện trẻ Nh đang sống với Bà L, Bà L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, Ông Đ cũng đồng ý để Bà L được nuôi trẻ Nh. Do đó, giao trẻ Nh cho Bà L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ và Bà L thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng Ông Đ phải cấp dưỡng là 3.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2025 nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Ông Đ và Bà L cùng thống nhất tự thoả thuận giải quyết không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông Đ và Bà L khai không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng do Ông Dương Hiển Đ phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà Ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 0077830 ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Đ còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1, khoản 3 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết về việc hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Dương Hiển Đ đối với Bà Nguyễn Thị Mộng L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 10/5/2017 do Ủy ban nhân dân xã PC, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã KC, tỉnh Quảng Ngãi) cấp không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Dương Hiển Đ và Bà Nguyễn Thị Mộng L có 01 (một) con chung tên Dương Thị An Nh, sinh ngày: 09/02/2019. Giao trẻ Nh cho Bà Nguyễn Thị Mộng L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con chung: Hàng tháng Ông Dương Hiển Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 01 (một) dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 9 năm 2025 đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Bà Nguyễn Thị Mộng L, nếu Ông Dương Hiển Đ không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì Dương Hiển Đúng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ

chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Dương Hiển Đ và Bà Nguyễn Thị Mộng L cùng yêu cầu tự thoả thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Dương Hiển Đ và Bà Nguyễn Thị Mộng L cùng xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do Ông Dương Hiển Đ phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà Ông Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0077830 ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Đ còn phải nộp thêm số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9-TP.Hồ Chí Minh;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- UBND X. Khánh Cường, T.Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Lệ Hoa